

Ngày 19/10/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điểm của Luật Quản lý thuế, có 9 chương, 44 điều. Việc xây dựng Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điểm của Luật Quản lý thuế là cần thiết nhằm chi tiết 28 điều, khoản, điểm Luật QLT số 38/2019/QH14 giao cho Chính phủ quy định chi tiết, ngoài nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Một số nội dung cơ bản của Nghị định 126/2020/NĐ-CP liên quan đến ngành hóa xuất khẩu, nhập khẩu như :

Về khai thuế, tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (điểm c khoản 4 Điều 8), bổ sung thêm thuế tiêu thụ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp. Về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế (điểm c Điều 11) quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan. Quy định 7 trường hợp cấp quan hải quan tính thuế, thông báo thuế (khoản 10 Điều 13). Nghị định quy định nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 17) với những nội dung như các trường hợp nộp thuế, trình tự nộp thuế; thời hạn nộp tiền thuế nộp thuế; thẩm quyền quy định nộp thuế nộp thuế, số địa, bổ sung quy định nộp thuế nộp thuế, hợp quy định nộp thuế và trách nhiệm của người khai thuế. Đối với thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuế các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý thuế và khoản 4 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, như: Người khai thuế số dòng các tài liệu không hợp pháp trong hồ sơ hải quan, hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế đối khai thuế, tính thuế; người khai thuế không kê khai hoặc kê khai không chính xác; người khai thuế không chấp hành quy định kiểm tra thuế ... thì cơ quan hải quan tính toán số tiền thuế nộp thuế căn cứ vào tên hàng, số lượng, chủng loại, mã số, xuất xứ, trọng giá, mức thuế, tỷ giá tính thuế, phương pháp tính thuế. Trường hợp nộp thuế miễn thuế phần trong tổng số hàng hóa cùng chủng loại thuế suất khai hải quan khác nhau, trên các tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu liên tiếp đã xác định thuế suất tiền thuế thì số tiền thuế nộp thuế là số tiền thuế trung bình được tính theo công thức: số tiền thuế nộp thuế = (Tổng số tiền thuế của hàng hóa cùng chủng loại tại các tờ khai hải quan/Tổng số hàng hóa cùng chủng loại tại các tờ khai hải quan) x Số lượng hàng hóa nộp thuế.

Nghị định còn quy định quy định về việc Phân loại hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuế di chuyển phi kiểm tra hoàn thuế (Điều 22); quy định bổ sung nhiệm vụ, quy định của ngân hàng thông tin (khoản 6 Điều 30). Đối với thuế, Nghị định 126/2020/NĐ-CP đã quy định về công nghệ chi tiết hành quy định hành chính về quản lý thuế (Điều 31-Điều 37), thay thế các Điều về công nghệ chi tiết hành thuế tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP và Nghị định số 45/2016/NĐ-CP, theo đó, quy định chế độ kiểm tra thông tin công nghệ chi tiết hành quy định công nghệ chi tiết hành, các bước kiểm tra công nghệ

chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện công việc chi trả và tiếp nhận pháp công việc chi trả m báo thu được của tiền thu nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với Doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan (Điều 38), Nghị định cũng quy định rõ chi trả ưu tiên đối với doanh nghiệp đăng ký đi kèm với ưu tiên thì doanh nghiệp phải theo dõi, kiểm soát, quản lý được toàn bộ quá trình sản xuất nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hệ thống công nghệ thông tin nội mạng với cơ quan hải quan, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (từ đã 05 năm kể từ ngày đăng ký khai hải quan) và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để cơ quan hải quan có cơ sở so sánh, đối chiếu, kiểm tra và doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đúng đắn, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan.

Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định chuyển tiếp, đối với các khoản thu được miễn, giảm, không thu, xóa nợ phát sinh trước ngày 01/7/2020 thì tiếp tục xử lý theo quy định tại Luật Quản lý thuế 2006 đã được sửa đổi tại Luật số 21/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 106/2016/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với các khoản tiền nộp thuế được miễn ngày 30/6/2020 thì được xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế 2019 và Nghị định 126/2020/NĐ-CP (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định 126/2020/NĐ-CP).

Các trường hợp được Chính phủ cho phép gia hạn thời gian nộp thuế thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Chính phủ. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các trường hợp nộp thuế để kê khai thuế theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP để m báo thực hiện cho năm đầu tiên của thời kỳ nộp ngân sách tiếp theo kể từ khi Luật Quản lý thuế 2019 và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành.

Nghị định 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2020.